

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-6-2020

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

2/- Bà Mai Hồng Thắm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em– Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2020/TLST–HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1979 (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ N, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Bé D, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ N, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Nơi tạm trú: Tổ M, ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai ngày 16/01/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Nguyễn Văn G trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị D do quen biết và tự tìm hiểu nên tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2003 và đăng ký kết hôn ngày 12/02/2004 tại UBND xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do chị D có nhiều thay đổi trong thời gian anh được công ty cử đi học. Đến năm 2016, chị D bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và có chồng và con khác cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn,

không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Phương M, sinh ngày 05/7/2004, Nguyễn Phương L, sinh ngày 31/03/2006 và Nguyễn G, sinh ngày 16/04/2009. Hiện 03 cháu đều đang sống với anh G. Khi ly hôn, anh G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 cháu, không yêu cầu chị D cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Bé D: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án có tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng phía bị đơn đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện C tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn sơ thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự và tuân thủ đúng quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn G, cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bé D; Anh G được tiếp tục nuôi 3 con chung, chị D không phải cấp dưỡng; Anh G phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bé D là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị Bé D.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn G và chị Nguyễn Thị Bé D tổ chức lễ cưới vào năm 2003 và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2004 tại UBND xã M, Thành Phố L, tỉnh An Giang. Do vậy, hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét về mối quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh G và chị D chung sống từ năm 2003 đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo anh G trình bày là do chị D có nhiều thay đổi trong thời gian anh G được công ty cử đi học. Đến năm 2016, chị D bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và có chồng và con khác cho đến nay; Về phía chị D qua hai lần mời hòa giải tại tòa chị đều vắng mặt, cán bộ tòa án có đến tận nhà để ghi lời khai nhưng chị D đều không có mặt tại nhà nên cũng không ghi được lời khai. Xét thấy, thời gian chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, suốt thời gian ly thân hai bên không có thiện chí hàn gắn quan hệ tình cảm, nay chị D đã có gia đình khác, xét thấy

khả năng hàn gắn là không có, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh G là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Anh và chị D có 03 con chung tên Nguyễn Phương M, sinh ngày 05/7/2004, Nguyễn Phương L, sinh ngày 31/03/2006 và Nguyễn G, sinh ngày 16/04/2009. Hiện 03 cháu đều đang sống với Anh G. Khi ly hôn, anh G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 cháu, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy từ khi ly thân đến nay cả 3 cháu đều sống với anh G và tại bản tự khai cùng ngày 05/5/2020 cả 3 cháu đều có nguyện vọng sống với cha. Do đó nghĩ nên để anh G được tiếp tục nuôi dưỡng 3 con chung là hoàn toàn phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung anh G không yêu cầu chị D cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị anh Nguyễn Văn G phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn G.

Anh Nguyễn Văn G được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bé D. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15 ngày 12/4/2004 của Ủy ban nhân dân Xã M, Thành Phố L, Tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- **Về con chung:** Anh Nguyễn Văn G được tiếp tục nuôi dưỡng 3 con chung tên Nguyễn Phương M, sinh ngày 05/7/2004, Nguyễn Phương L, sinh ngày 31/03/2006 và Nguyễn G, sinh ngày 16/04/2009. Chị Nguyễn Thị Bé D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền tới lui thăm con chung cho chị D.

- **Về án phí:** Anh Nguyễn Văn G phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006705 ngày 20/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Anh Nguyễn Văn G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị Bé D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (đề thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Kim Hoa